

Số: 356/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 22 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban THậu vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 351/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Ah Nguyễn Minh Đức L**, sinh năm: 1988; địa chỉ: đường K, phường T, thành phố H, tỉnh T.

2. **Chị Phan Thị Hồng N**, sinh năm: 1989; địa chỉ: đường K, phường T, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ah Nguyễn Minh Đức L và chị Phan Thị Hồng N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ah Nguyễn Minh Đức L và chị Phan Thị Hồng N xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 05 con chung tên là: Nguyễn N L V, sinh ngày: 10/8/2009; Nguyễn N Bảo Q, sinh ngày 13/12/2010; Nguyễn N Bảo C, sinh ngày 10/10/2012; Nguyễn Minh Đức G, sinh ngày 11/5/2015 và Nguyễn N Hoài A, sinh ngày 03/11/2017 .

Ah L, chị N thoả thuận: Giao con chung 05 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh L

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 600.000 đồng, tổng cộng 5 con chung là 3.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ah Nguyễn Minh Đức L và chị Phan Thị Hồng N xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Ah Nguyễn Minh Đức L và chị Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc Hôn nhân gia đình; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng mà anh L chị N đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009988 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ah Nguyễn Minh Đức L và chị Phan Thị Hồng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 05 con chung: Nguyễn N L V, sinh ngày: 10/8/2009; Nguyễn N Bảo Q, sinh ngày 13/12/2010; Nguyễn N Bảo C, sinh ngày 10/10/2012; Nguyễn Minh Đức G, sinh ngày 11/5/2015 và Nguyễn N Hoài A, sinh ngày 03/11/2017 cho chị Phan Thị Hồng N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Minh Đức L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng 5 con chung là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật

sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Ah L và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ah L và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ah Nguyễn Minh Đức L và chị Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc Hôn nhân gia đình; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh L chị N đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009988 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP H (ĐKKH số 21, ngày 21/02/2009);
- Lưu án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thúc Mỹ